

TP.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: CTCP SÁCH GIÁO DỤC TẠI TPHCM
2. Mã chứng khoán: SGD
3. Địa chỉ trụ sở chính: 363 Hưng Phú - Phường 9 - Quận 8 – TPHCM
4. Điện thoại: 08.39540600 – 08.39540601 Fax: 08.39540598
5. Người được UQ CBTT: Phan Thị Nam Phương
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2017 của Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM được lập ngày 12/03/2018 bao gồm: BCĐKT, BC KQKD, BC LCTT, TM BCTC.

7. Nội dung giải trình:

7.1 Nội dung điều chỉnh trước và sau kiểm toán như sau:

- Tăng chi phí trích dự phòng khó đòi: 16.361.178
- Tăng chi phí trích dự phòng dài hạn: 29.634.546

Dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm 0.6% so với báo cáo trước kiểm toán.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.sgd.edu.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC-HC-TH.





**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH**
Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 32

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/01/2017 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2017 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 363 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 28.39540600
- Fax: (84) 28.39540598
- Website: www.sgd.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên đến cuối năm tài chính là 37 người. Trong đó nhân viên quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------------|----------|--|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 01/04/2017 |
| • Bà Trần Thị Mỹ | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 08/03/2016
Miễn nhiệm ngày 01/04/2017 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phan Xuân Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Huỳnh Thị Thùy Trang | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12/10/2016 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 199/2018/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 09/03/2018, từ trang 5 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 09 tháng 03 năm 2018

Đỗ Thị Thanh Vân – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1483-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.488.821.803	34.685.856.643
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	13.440.544.658	14.035.423.183
1. Tiền	111		5.440.544.658	3.535.423.183
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	10.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.037.821.875	2.200.628.186
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6a	9.112.705.975	2.319.528.206
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6a	(74.884.100)	(118.900.020)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.501.671.762	11.013.055.724
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	14.286.428.587	10.935.031.797
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	137.871.931	84.861.758
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	6.795.509.800	1.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	378.459.406	313.148.033
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.096.597.962)	(1.319.985.864)
IV. Hàng tồn kho	140	12	8.382.359.600	7.198.755.013
1. Hàng tồn kho	141		10.936.875.794	9.671.545.566
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.554.516.194)	(2.472.790.553)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		126.423.908	237.994.537
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	18.908.496	59.043.631
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	107.515.412	178.950.906
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.671.018.745	38.941.006.559
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.946.660.729	10.365.116.737
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	3.478.503.857	3.896.959.865
- Nguyên giá	222		5.561.078.486	5.561.078.486
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.082.574.629)	(1.664.118.621)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	6.468.156.872	6.468.156.872
- Nguyên giá	228		6.468.156.872	6.468.156.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	10.206.043.398
- Nguyên giá	231		-	10.438.812.805
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(232.769.407)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6b	16.504.771.154	17.374.405.700
1. Đầu tư vào công ty con	251		14.534.405.700	14.534.405.700
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.000.000.000	2.840.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(29.634.546)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.219.586.862	995.440.724
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13b	1.219.586.862	995.440.724
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		79.159.840.548	73.626.863.202

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.713.190.596	16.799.506.385
I. Nợ ngắn hạn	310		21.713.190.596	16.799.506.385
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	15.607.048.215	10.233.526.580
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	66.574.719	146.136.145
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	179.734.598	-
4. Phải trả người lao động	314		2.690.146.752	1.890.407.673
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	3.122.198.294	4.478.747.969
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	39.653.500	42.853.500
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.834.518	7.834.518
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		57.446.649.952	56.827.356.817
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	57.446.649.952	56.827.356.817
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	2.227.438.218	2.227.438.218
3. Cổ phiếu quỹ	415	21	(679.873.904)	(679.873.904)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	4.894.634.920	4.894.634.920
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	9.634.450.718	9.015.157.583
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.376.457.583	4.826.470.786
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.257.993.135	4.188.686.797
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		79.159.840.548	73.626.863.202



Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
QUẬN 8 - T.P. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	92.149.218.867	88.726.279.580
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	193.702.948	308.919.581
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		91.955.515.919	88.417.359.999
4. Giá vốn hàng bán	11	24	76.398.649.735	72.269.386.183
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		15.556.866.184	16.147.973.816
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.421.073.297	918.896.566
7. Chi phí tài chính	22	26	365.701.959	(90.934.700)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	2.083.333	-
8. Chi phí bán hàng	25	27a.	6.235.386.512	6.317.257.369
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27b.	5.196.787.914	5.547.201.754
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.180.063.096	5.293.345.959
11. Thu nhập khác	31	28	1.354.157	4.629.047
12. Chi phí khác	32	29	6.447.397	54.563.222
13. Lợi nhuận khác	40		(5.093.240)	(49.934.175)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.174.969.856	5.243.411.784
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	916.976.721	1.007.924.987
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.257.993.135	4.235.486.797



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.174.969.856	5.243.411.784
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	418.456.008	230.319.783
- Các khoản dự phòng	03	(156.043.635)	438.147.976
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(799.203.883)	(845.676.166)
- Chi phí lãi vay	06	2.083.333	-
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	4.640.261.679	5.066.203.377
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.401.326.217)	1.474.533.585
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.265.330.228)	2.760.431.960
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.767.500.195	2.145.173.460
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(184.011.003)	(616.267.074)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(6.793.177.769)	(172.461.826)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.083.333)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(743.639.608)	(1.067.157.923)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(125.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.981.806.284)	9.465.355.559
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	-	(199.554.952)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	10.092.018.618	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.595.509.800)	(1.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	3.800.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.971.920.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	462.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.267.118.941	844.983.110
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.025.627.759	(4.326.491.842)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	1.870.846.404
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.638.700.000)	(4.043.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.638.700.000)	(2.172.153.596)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(594.878.525)	2.966.710.121
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.035.423.183	11.068.713.062
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	13.440.544.658	14.035.423.183



Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Tuấn Kiệt

Nguyễn Thị Lan Phương

Bùi Tuyết Mai

Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/01/2017 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có 2 công ty con:

- Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Địa chỉ: Số 23 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất linh kiện điện tử, bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm.

Tỷ lệ sở hữu: 53,27%

- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai

Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.

Tỷ lệ sở hữu: 52,24%

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty con là một doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	3
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6
Tài sản cố định khác	4

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của năm sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt	375.192.670	460.570.571
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.065.351.988	3.074.852.612
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	8.000.000.000	10.500.000.000
Cộng	13.440.544.658	14.035.423.183

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Chứng khoán kinh doanh	9.112.705.975	9.461.783.000	(74.884.100)	2.319.528.206	2.228.290.000	(118.900.020)
+ Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	3.350.620.280	3.535.720.000	-	-	-	-
+ Công ty CP sách GD TP Hà Nội (EBS)	3.201.944.701	3.383.601.000	-	1.805.534.680	1.694.200.000	(111.334.680)
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	303.458.970	271.440.000	(32.018.970)	289.420.020	306.600.000	-
+ Công ty CP Sông Đà 4 (SD4)	36.365.340	34.800.000	(1.565.340)	36.365.340	28.800.000	(7.565.340)
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	992.861.234	1.033.680.000	-	188.208.166	198.690.000	-
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	1.108.541.790	1.067.242.000	(41.299.790)	-	-	-
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (HD2)	118.913.660	135.300.000	-	-	-	-
Cộng	9.112.705.975	9.461.783.000	(74.884.100)	2.319.528.206	2.228.290.000	(118.900.020)

Biến động trong năm

	Tăng trong năm		Giảm trong năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Tổng giá trị cổ phiếu	691.060	7.409.551.185	79.050	616.373.416
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (HD2)	11.000	118.913.660	-	-
+ Công ty CP sách GD TP Hà Nội (EBS)	138.010	1.396.410.021	-	-
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	231.950	1.630.961.456	79.050	522.419.666
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	69.700	892.359.318	-	87.706.250
+ Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	238.900	3.350.620.280	-	-
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	1.500	20.286.450	-	6.247.500
Cộng	691.060	7.409.551.185	79.050	616.373.416

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***b. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2017					01/01/2017				
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con					14.534.405.700	-			14.534.405.700	-
- Công ty CP Sách và TBTH Đồng Nai (i)	<i>Đang hoạt động</i>	52,24%	52,24%	925.300	11.445.035.700	-	51,77%	51,77%	11.445.035.700	-
- Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long (i)	<i>Đang hoạt động</i>	53,27%	53,27%	213.060	3.089.370.000	-	53,27%	53,27%	3.089.370.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					2.000.000.000	29.634.546			2.840.000.000	-
- Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng	<i>Đang hoạt động</i>				-	-	5,30%	5,30%	840.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư xuất bản sách - TBGD Việt Nam (ii)	<i>Đang hoạt động</i>	1,84%	1,84%		2.000.000.000	29.634.546	1,84%	1,84%	2.000.000.000	-
Cộng					16.534.405.700	29.634.546			17.374.405.700	-

(i) Kết quả kinh doanh của Công ty CP Sách và TBTH Đồng Nai và Công ty CP Sách – Thiết bị Vĩnh Long là có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đắk Lắk	-	802.887.460
Sở Giáo Dục và Đào Tạo Bình Phước	-	918.619.633
Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị Trường học tỉnh Đắk Nông	1.472.591.754	1.113.142.622
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	401.672.182	1.335.785.442
Đối tượng khác	12.412.164.651	6.764.596.640
Cộng	14.286.428.587	10.935.031.797

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty liên quan	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Sách Đại học Dạy Nghề	-	960.000
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Cửu Long	-	304.108.115
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo dục tại Đà Nẵng	216.198.200	77.672.000
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	18.299.261	79.229.976
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	121.731.901	179.680.659
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	212.377.673	27.717.013
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	401.672.182	1.335.785.442
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	213.835.082	92.775.905
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	-	336.278.995
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	221.679.013	188.520.520
Công ty CP Sách và Thiết bị Bến Tre	-	11.722.320
Công ty CP Sách dân tộc - CN HCM	-	20.941.040
NXB Giáo dục tại TP Cần Thơ	-	7.553.100
Cộng	1.405.793.312	2.662.945.085

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	17.522.100	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường phổ thông Công nghệ Giáo Dục	97.569.680	-
Công ty TNHH R Star	-	49.845.859
Các đối tượng khác	22.780.151	35.015.899
Cộng	137.871.931	84.861.758

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long (bên liên quan)	6.795.509.800	1.000.000.000
Cộng	6.795.509.800	1.000.000.000,00

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	43.625.000	-	19.515.278	-
Tạm ứng	167.614.966	-	126.413.315	-
Ký quỹ	165.300.000	-	165.300.000	-
Phải thu khác	1.919.440	-	1.919.440	-
Cộng	378.459.406	-	313.148.033	-

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2017	01/01/2017
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn:		
+ Trên 3 năm	1.096.597.962	1.303.704.132
+ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-
+ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	-
+ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	16.281.732
Cộng	1.096.597.962	1.319.985.864

12. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	35.100.256	-	453.719.267	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.405.845.437	-	1.877.405.187	-
Thành phẩm	9.337.552.640	2.554.516.194	7.130.518.197	2.472.790.553
Hàng hóa	158.377.461	-	209.902.915	-
Cộng	10.936.875.794	2.554.516.194	9.671.545.566	2.472.790.553

Giá trị hàng tồn kho chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2017 là: 4.257.931.902 đồng.

Không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 31/12/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	28.779.091
Chi phí trả bảo hiểm chờ phân bổ	18.908.496	30.264.540
Cộng	18.908.496	59.043.631

b. Dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí tổ chức bản thảo	1.219.586.862	995.440.724
Cộng	1.219.586.862	995.440.724

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.531.966.825	57.782.720	1.813.624.453	157.704.488	5.561.078.486
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-
Đ/tr XDCB h/thành	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	3.531.966.825	57.782.720	1.813.624.453	157.704.488	5.561.078.486
Khấu hao					
Số đầu năm	362.264.142	19.052.795	1.233.519.033	49.282.651	1.664.118.621
Khấu hao trong năm	185.945.765	19.052.783	174.031.338	39.426.122	418.456.008
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	548.209.907	38.105.578	1.407.550.371	88.708.773	2.082.574.629
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.169.702.683	38.729.925	580.105.420	108.421.837	3.896.959.865
Số cuối năm	2.983.756.918	19.677.142	406.074.082	68.995.715	3.478.503.857

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 769.436.426 đồng.

Không có tài sản cố định dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản nợ vay tại ngày 31/12/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất 363 Hưng Phú	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	6.468.156.872	6.468.156.872
Mua trong năm	-	-
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	-	-
Số cuối năm	6.468.156.872	6.468.156.872
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	-	-
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	6.468.156.872	6.468.156.872
Số cuối năm	6.468.156.872	6.468.156.872

Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m².

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.374.728.719	667.514.259
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	7.152.218.236	2.979.319.006
Trương Kim Oanh	867.000.000	841.000.000
Ngô Ngọc Nhị (Lâm Đồng)	694.125.000	694.125.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	334.781.263	451.537.227
Các đối tượng khác	5.184.194.997	4.600.031.088
Cộng	15.607.048.215	10.233.526.580

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan

Công ty liên quan	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	48.955.680	274.990.486
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	-	12.564.400
Công ty CP Sách Dân Tộc	238.890.113	274.860.613
Công ty CP Sách Đại Học Dạy nghề	296.859.900	135.469.390
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	95.233.172	137.926.472
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	334.781.263	451.537.227
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	1.132.913	98.196.862
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	172.596.516	186.091.644
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.477.652.719	667.514.259
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	44.400.872	11.301.955
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. HCM	346.938.444	237.493.284
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	315.502.520	50.991.460
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Cửu Long	839.820	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	209.451.144	283.566.315
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	631.979.991	477.368.671
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	7.255.142.236	2.979.319.006
Các đối tượng khác	131.531.869	201.991.686
Cộng	11.601.889.172	6.481.183.730

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Bùi Anh Tôn	13.776.000	-
Công ty CP Phát hành Sách Khánh Hòa	7.468.940	-
Công ty TNHH MTV TMDV Thiên Long Hoàn Cầu	-	46.501.200
Công ty TNHH MTV Sách Việt	15.021.000	-
Nhà Sách Bình Minh	8.320.000	-
Các đối tượng khác	21.988.779	99.634.945
Cộng	66.574.719	146.136.145

18. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế GTGT	151.349.203	-	88.930.905	45.097.114	107.515.412	-
Thuế thu nhập cá nhân	448.606	-	372.684.348	338.685.160	-	33.550.582
Thuế TNDN	27.153.097	-	916.976.721	743.639.608	-	146.184.016
Thuế môn bài	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Cộng	178.950.906	-	1.383.591.974	1.132.421.882	107.515.412	179.734.598

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí bản thảo, biên tập	2.128.952.232	3.155.248.305
Chi phí hoa hồng môi giới	928.246.062	1.263.499.664
Chi phí khác	65.000.000	60.000.000
Cộng	<u>3.122.198.294</u>	<u>4.478.747.969</u>

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
Cổ tức phải trả	2.203.500	2.203.500
Thù lao trả cho HĐQT	34.300.000	-
Phải trả khác	3.150.000	40.650.000
Cộng	<u>39.653.500</u>	<u>42.853.500</u>

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2016	41.370.000.000	1.712.000.000	(2.035.282.090)	4.894.634.920	8.947.770.786
Tăng trong năm	-	515.438.218	1.355.408.186	-	4.235.486.797
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.168.100.000
Số dư tại 31/12/2016	<u>41.370.000.000</u>	<u>2.227.438.218</u>	<u>(679.873.904)</u>	<u>4.894.634.920</u>	<u>9.015.157.583</u>
Số dư tại 01/01/2017	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	9.015.157.583
Tăng trong năm	-	-	-	-	4.257.993.135
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.638.700.000
Số dư tại 31/12/2017	<u>41.370.000.000</u>	<u>2.227.438.218</u>	<u>(679.873.904)</u>	<u>4.894.634.920</u>	<u>9.634.450.718</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.320.000.000	6.320.000.000
Các cổ đông khác	34.110.000.000	34.110.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	940.000.000	940.000.000
Cộng	41.370.000.000	41.370.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	94.000	94.000
- Cổ phiếu phổ thông	94.000	94.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	9.015.157.583	8.947.770.786
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.257.993.135	4.235.486.797
Phân phối lợi nhuận	3.638.700.000	4.168.100.000
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	3.638.700.000	4.121.300.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	78.300.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	3.638.700.000	4.043.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	46.800.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	46.800.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	9.634.450.718	9.015.157.583

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 86/NQ-SGD ngày 24/03/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	81.923.496.764	88.093.541.898
Doanh thu khác	125.722.103	632.737.682
Doanh thu bán Bất động sản đầu tư	10.100.000.000	-
Cộng	92.149.218.867	88.726.279.580

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017	Năm 2016
Hàng bán bị trả lại	193.702.948	308.919.581
Cộng	193.702.948	308.919.581

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	65.935.254.668	71.401.391.493
Giá vốn hoạt động khác	167.644.646	522.050.608
Giá vốn Bất động sản đầu tư thanh lý	10.214.024.780	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	81.725.641	345.944.082
Cộng	76.398.649.735	72.269.386.183

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, cho vay	701.142.413	351.256.166
Cổ tức, lợi nhuận được chia	590.086.250	494.420.000
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	129.844.634	73.220.400
Cộng	1.421.073.297	918.896.566

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lỗ bán khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	378.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(14.381.374)	(90.934.700)
Lãi vay	2.083.333	-
Cộng	365.701.959	(90.934.700)

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2017	Năm 2016
Tiền lương	3.687.437.506	3.404.814.262
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	929.168.927	450.323.768
Chi phí hoa hồng môi giới	672.123.771	796.136.724
Các khoản khác	946.656.308	1.665.982.615
Cộng	6.235.386.512	6.317.257.369

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2017	Năm 2016
Tiền lương	2.592.218.627	2.528.347.936
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	509.849.848	616.775.080
Các khoản khác	2.094.719.439	2.402.078.738
Cộng	5.196.787.914	5.547.201.754

28. Thu nhập khác

	Năm 2017	Năm 2016
Thu nhập từ bán phế liệu, công cụ dụng cụ	-	4.545.455
Các khoản khác	1.354.157	83.592
Cộng	1.354.157	4.629.047

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí khác

	Năm 2017	Năm 2016
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	-	54.282.672
Các khoản khác	6.447.397	280.550
Cộng	6.447.397	54.563.222

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.174.969.856	5.243.411.784
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(590.086.250)	(440.137.328)
- Điều chỉnh tăng	-	54.282.672
+ <i>Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế</i>	-	54.282.672
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	590.086.250	494.420.000
Tổng thu nhập tính thuế	4.584.883.606	4.803.274.456
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	916.976.721	1.007.924.987
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này	916.976.721	960.654.891
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này (*)	-	47.270.096

31. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.563.993.653	11.624.259.905
Chi phí nhân công	6.279.656.133	5.933.162.198
Chi phí khấu hao tài sản cố định	418.456.008	230.319.783
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.915.394.979	9.070.570.645
Chi phí khác bằng tiền	4.245.428.170	4.533.230.866
Cộng	26.422.928.943	31.391.543.397

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Chủ tịch HĐQT và Tổng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

33. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản và đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, các đại lý, Sở giáo dục, trường học và một số Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học và các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	15.607.048.215	-	15.607.048.215
Chi phí phải trả	3.122.198.294	-	3.122.198.294
Phải trả khác	39.653.500	-	39.653.500
Cộng	18.768.900.009	-	18.768.900.009

01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	10.233.526.580	-	10.233.526.580
Chi phí phải trả	4.478.747.969	-	4.478.747.969
Phải trả khác	42.853.500	-	42.853.500
Cộng	14.755.128.049	-	14.755.128.049

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.440.544.658	-	13.440.544.658
Đầu tư tài chính	9.037.821.875	1.970.365.454	11.008.187.329
Phải thu khách hàng	13.189.830.625	-	13.189.830.625
Phải thu về cho vay	6.795.509.800	-	6.795.509.800
Phải thu khác	210.844.440	-	210.844.440
Cộng	42.674.551.398	1.970.365.454	44.644.916.852

01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.035.423.183	-	14.035.423.183
Đầu tư tài chính	2.200.628.186	2.840.000.000	5.040.628.186
Phải thu khách hàng	9.615.045.933	-	9.615.045.933
Phải thu về cho vay	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Phải thu khác	186.734.718	-	186.734.718
Cộng	27.037.832.020	2.840.000.000	29.877.832.020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hà Nội	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Đồng Nai	Công ty con
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Công ty con
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán học và tuổi Trẻ	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán tuổi thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
CN Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ kế toán

Công ty liên quan	Năm 2017	Năm 2016
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Sách Đại Học Dạy nghề	18.795.520	952.000
Công ty CP Đầu Tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	8.744.578.943	10.327.399.867
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	1.128.452.005	475.644.396
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	275.084.000	215.580.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	1.081.600
Công ty Cổ phần Học Liệu (EMCO)	51.696.668	401.193.206
CN Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	7.573.139	23.240.100
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	30.000.000	48.766.572
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	694.954.020	917.968.025
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	162.831.734	223.060.586
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	19.370.000	192.309.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	2.463.440.890	3.497.613.212
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	3.664.350.850	3.073.167.717
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	182.200.900	229.383.880
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	757.025.860	411.722.320
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	452.724.145	697.966.090
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	953.601.397	415.990.515
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	2.650.621.901	4.218.969.684
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	594.421.841	395.549.898
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	463.716.770	677.546.980
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	884.039.443	1.108.679.725
Mua hàng		
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	3.566.745.440	3.281.296.080
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi trẻ	27.964.750	55.997.098
Công ty CP Sách Dân Tộc	964.029.500	1.675.550.960
Công ty CP Sách Đại Học Dạy nghề	481.146.030	409.857.220
Công ty CP Đầu Tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	489.507.600	377.274.600
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	1.793.102.036	2.851.980.564
Công ty CP Đầu Tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	909.997.495	3.790.766.249
Công ty CP Đầu Tư và Xuất bản Giáo dục	44.712.000	-
Công ty CP Dịch Vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	58.885.800	-
Công ty CP Dịch Vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	286.504.872	17.280.000
Công ty CP Dịch Vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.984.991.202	1.120.202.500
Công ty CP Mĩ Thuật và Truyền Thông	1.474.442.136	379.250.564
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	908.485.160	1.018.975.654
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	-	143.062.500
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	1.327.118.310	758.097.280
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	1.069.413.430	271.745.167
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	804.409.051	3.175.831.574
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	3.518.052.210	3.900.536.750
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	24.752.917.490	14.594.000.314
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	-	50.727.500
Công ty CP Sách Dịch Vụ Từ Điển Giáo dục	39.039.000	25.676.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty liên quan	Năm 2017	Năm 2016
Cho vay		
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	3.300.000.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	6.295.509.800	1.000.000.000
Thu tiền cho vay		
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	3.300.000.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	500.000.000	-

c. Các giao dịch khác

		Năm 2017	Năm 2016
Ban Giám đốc	Tiền lương, tiền thưởng	548.641.000	634.830.000
Hội đồng quản trị	Tiền thù lao	162.600.000	156.100.000

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngày 19/01/2018, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị số 29/NQHĐQT-SGD. Theo đó, Công ty chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức năm 2017 (tỷ lệ 10%) vào ngày 12/02/2018, ngày chi trả cổ tức năm là vào ngày 19/03/2018.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

36. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi AAC.



Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai